

Bản án số: 28/2018/HC-ST

Ngày: 20-6-2018

Về việc Khiếu kiện quyết định giải quyết khiếu nại
và quyết định bồi thường, hỗ trợ và tái định cư
khi Nhà nước thu hồi đất.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Thu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Ngọc Lương.

2. Ông Thái Ngọc Minh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Ngọc Luân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông Trương Văn Chi - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 06 và ngày 20 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 04/2018/TLST-HC ngày 08 tháng 01 năm 2018 về “*Khiếu kiện quyết định giải quyết khiếu nại và quyết định bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2018/QĐXXST-HC ngày 08/5/2018, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Ông **Lê Văn B** (tên gọi khác là **Lê Văn C**), sinh năm 1973 (có mặt).

Đại diện theo ủy quyền: Bà **Phạm Phương T**, sinh năm 1970 (có mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp C, xã G, huyện P, tỉnh Kiên Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông B: Luật sư **P** - thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Kiên Giang (có mặt).

- Người bị kiện:

1. Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh Kiên Giang.

Đại diện theo pháp luật: Ông Đ - Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh Kiên Giang.

Cùng địa chỉ: Số 04, đường 30/4, khu phố 1, thị trấn D, huyện P, tỉnh Kiên Giang.

(Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P vắng mặt lần thứ hai)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, người khởi kiện ông Lê Văn B và đại diện theo ủy quyền bà Phạm Phương T trình bày:

Vợ chồng ông Lê Văn B và bà Phạm Phương T có diện tích đất nông nghiệp 14.482,7m² tại ấp G, xã G, huyện P, tỉnh Kiên Giang.

Ngày 20/11/2013 Ủy ban nhân dân (UBND) huyện P ra Quyết định số 5604/QĐ-UBND thu hồi diện tích 621,30m² đối với ông Lê Văn B để thực hiện dự án Khu du lịch sinh thái Bãi Dài tại xã G, huyện P, tỉnh Kiên Giang.

Ngày 26/11/2013 UBND huyện P ban hành Quyết định 5714/QĐ-UBND hỗ trợ cho ông Lê Văn B tổng số tiền 597.472.000 đồng (số tiền này hỗ trợ cho tổng diện tích 14.482,7m², trong diện tích này có một phần được hỗ trợ và một phần không được hỗ trợ).

Ngày 12/01/2016 UBND huyện P ra Quyết định số 85/QĐ-UBND thu hồi diện tích đất 6.787,5m² và Quyết định số 86/QĐ-UBND thu hồi diện tích đất 3.028,4m² đối với ông Lê Văn B.

Ngày 12/01/2016 UBND huyện P ra Quyết định số 87/QĐ-UBND điều chỉnh Quyết định số 5604/QĐ-UBND nêu trên (điều chỉnh việc thu hồi diện tích đất 621,30m² lên thành 4.666,8m² đất đối với ông Lê Văn B).

Ngày 04/11/2016 UBND huyện P đã ra Quyết định 6740/QĐ-UBND bổ sung bồi thường, hỗ trợ cho ông B với số tiền 831.347.300 đồng (nâng mức hỗ trợ từ 40% lên 60% đối với diện tích 9.315,9m² và hỗ trợ 60% tại thời điểm thu hồi đối với diện tích 1.159,5m²).

Ông B cho rằng nguồn gốc diện tích đất 14.482,7m² nêu trên được gia đình ông khai khẩn, sử dụng ổn định từ năm 1993 đến nay, quá trình quản lý sử dụng không ai tranh chấp, không bị cơ quan có thẩm quyền nào lập biên bản xử phạt vi phạm hành chính. Gia đình ông canh tác liên tục cho đến khi diện tích đất của ông bị thu hồi nên đủ điều kiện được bồi thường. Không thống nhất với việc hỗ trợ của UBND huyện P, ông Lê Văn B làm đơn khiếu nại đến Chủ tịch UBND huyện P yêu cầu được bồi thường diện tích 14.482,7m² theo quy định của pháp luật.

Ngày 07/4/2017 Chủ tịch UBND huyện P ban hành Quyết định số 2997/QĐ-UBND giải quyết chấp nhận một phần khiếu nại của ông Lê Văn B, cho rằng: Nguồn gốc diện tích 14.482,7m² đất của ông Lê Văn B trước năm 1995 do Nhà

nước quản lý. Năm 1995 ông B cùng vợ là Phạm Phương T vào phát dọn bao chiếm trồng rau màu, chăn nuôi và cất nhà ở trên diện tích đất 10.975,4m² (trong tổng số 14.482,7m²).

Ngày 28/7/2004 UBND huyện P ban hành Quyết định 2490/QĐ-UB thu hồi đất đối với ông Lê Văn C (tức ông Lê Văn B) với tổng diện tích 13.861,4m², gồm 2 thửa 10.975,4m² và 2.886m² (thu hồi sau thanh tra của UBND tỉnh Kiên Giang). Sau khi có quyết định thu hồi ông B vẫn tiếp tục sử dụng diện tích 10.975,4m² và khai phá thêm 3.507,3m² sử dụng cho đến khi có quyết định thu hồi đất để thực hiện dự án Khu du lịch sinh thái B.

Thống nhất nâng mức hỗ trợ từ 40% lên 60% giá trị quyền sử dụng đất đối với diện tích 9.315,9m² và hỗ trợ 60% giá trị quyền sử dụng đất diện tích 1.159,5m²; hỗ trợ giá trị cây trồng theo Quyết định 03/2010/QĐ-UBND ngày 11/02/2010 của UBND tỉnh Kiên Giang, không hỗ trợ đối với vật kiến trúc.

Không đồng ý với nội dung giải quyết của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P, ngày 20/12/2017 ông B khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Hủy Quyết định số 5714/QĐ-UBND ngày 26/11/2013 của UBND huyện P về việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

- Hủy Quyết định số 2997/QĐ-UBND ngày 07/4/2017 của Chủ tịch UBND huyện P về việc giải quyết khiếu nại của ông Lê Văn B;

- Buộc UBND huyện P phải lập phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với diện tích đất 14.482,7m² và bồi thường tài sản gắn liền với đất theo biên bản đo đạc hiện trạng đất ngày 30/11/2015 của đoàn xác minh huyện P.

Người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P và Ủy ban nhân dân huyện P: Đã nhận Thông báo thụ lý vụ án, Quyết định đưa vụ án ra xét xử của Tòa án nhưng không có văn bản ý kiến đối với yêu cầu của người khởi kiện nên không ghi nhận được ý kiến của người bị kiện.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Bà Phạm Phương T đại diện theo ủy quyền của ông Lê Văn B trình bày: Diện tích đất của vợ chồng ông B, bà T bị thu hồi có quá trình sử dụng trước ngày 18/6/1998. Trong quá trình sử dụng không bị cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xử lý về hành vi vi phạm pháp luật về đất đai. Quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND huyện P cho rằng đã ban hành quyết định thu hồi đất đối với ông B vào năm 2004 là không đúng, vợ chồng ông B chưa từng nhận quyết định này.

Bà T yêu cầu hủy các Quyết định số 5714/QĐ-UBND ngày 26/11/2013 về việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; hủy Quyết định số 2997/QĐ-UBND ngày 07/4/2017 của Chủ tịch UBND huyện P về việc giải quyết

khieu nại của ông Lê Văn B; không yêu cầu Tòa án kiến nghị Chủ tịch UBND huyện P giải quyết khiếu nại lại. Đề nghị Tòa án buộc UBND huyện P ban hành quyết định bồi thường, hỗ trợ tái định cư mới theo quy định của pháp luật.

- Ông Lê Văn B trình bày: Ông thống nhất với nội dung và yêu cầu của bà T. Ngoài ra ông B yêu cầu Tòa án hủy Quyết định 6740/QĐ-UBND ngày 04/11/2016 của UBND huyện P về việc bổ sung bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với ông B. Bởi quyết định này ban hành để thực hiện theo Quyết định số 2997/QĐ-UBND ngày 07/4/2017 của Chủ tịch UBND huyện P về việc giải quyết khiếu nại của ông Lê Văn B, nên ảnh hưởng đến quyền lợi của ông. Tại thời điểm khởi kiện ông B không biết có quyết định này nên không yêu cầu hủy.

Trong diện tích đất ông B bị thu hồi có khoảng 600m² là đất của ông Phạm Văn T nằm ở giữa hai thửa đất của ông B. Giữa vợ chồng ông B và ông T đã thỏa thuận ông T đồng ý để ông B nhận tiền bồi thường đối với diện tích đất này...sau khi nhận thì về giao lại cho ông T.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông B xác định:

Quyết định số 5714/QĐ-UBND ngày 26/11/2013 của UBND huyện P bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho B được ban hành khi chưa có quyết định thu hồi đất là trái pháp luật. Đất của ông B sử dụng trước ngày thành lập rừng (ngày 18/6/1998) và trước ngày 01/7/2004 nên đủ điều kiện để được bồi thường, quyết định giải quyết khiếu nại không chấp nhận yêu cầu của ông B là không đúng. Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông B.

Đồng thời tại phiên tòa ông B yêu cầu Tòa án xem xét hủy Quyết định 6740/QĐ-UBND ngày 04/11/2016 của UBND huyện P về việc bổ sung bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất của ông B, nội dung quyết định này cũng chỉ hỗ trợ bổ sung, trong khi đất ông B đủ điều kiện bồi thường. Do đó, đề nghị HĐXX xem xét hủy bỏ quyết định này.

- Kiểm sát viên phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án; việc tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án; việc tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng là đúng quy định của pháp luật tố tụng hành chính.

Về nội dung:

Qua các chứng cứ, tài liệu trong hồ sơ thể hiện, diện tích đất 14.482,7m² ông B có quá trình sử dụng từ năm 1993, trước khi UBND tỉnh Kiên Giang giao đất cho Ban Quản lý rừng phòng hộ và đặc dụng P. Sử dụng ổn định cho đến khi bị thu hồi

đất. Do đó, UBND huyện P áp dụng chính sách hỗ trợ là không phù hợp, mà phải áp dụng khoản 2 Điều 77 Luật đất đai 2013 để bồi thường cho ông B.

Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông B, hủy các quyết định bị kiện và kiến nghị UBND huyện P ban hành quyết định bồi thường, hỗ trợ cho ông B theo quy định hiện hành.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên toà, ý kiến của Kiểm sát viên, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử (HĐXX) sơ thẩm vụ án hành chính thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Tại phiên tòa sơ thẩm ông B, bà T và vị Luật sư yêu cầu Tòa án xem xét hủy Quyết định 6740/QĐ-UBND ngày 04/11/2016 của UBND huyện P về việc bổ sung bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất của ông B vì quyết định này không bồi thường mà chỉ hỗ trợ bổ sung cho ông B là không đúng. Xét thấy, Quyết định 6740/QĐ-UBND là quyết định hỗ trợ bổ sung cho ông B thực hiện theo nội dung giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND huyện P, nên liên quan đến quyết định giải quyết khiếu nại bị kiện. Căn cứ khoản 1 Điều 193 Luật Tố tụng hành chính thì HĐXX có thẩm quyền xem xét tính hợp pháp của Quyết định 6740/QĐ-UBND vì đây là quyết định hành chính có liên quan đến quyết định bị kiện.

Quyết định số 5714/QĐ-UBND ngày 26/11/2013, Quyết định 6740/QĐ-UBND ngày 04/11/2016 của UBND huyện P về việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất và Quyết định số 2997/QĐ-UBND ngày 07/4/2017 của Chủ tịch UBND huyện P về việc giải quyết khiếu nại của ông Lê Văn B (sau đây gọi tắt là Quyết định số 5714/QĐ-UBND, Quyết định 6740/QĐ-UBND và Quyết định số 2997/QĐ-UBND) là quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý Nhà nước về đất đai nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang theo quy định tại Điều 30, Điều 32 của Luật tố tụng hành chính.

Chủ tịch UBND huyện P (là người bị kiện và đại diện hợp pháp cho người bị kiện) đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt tại phiên tòa nên HĐXX xử vắng mặt người bị kiện theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 157 Luật tố tụng hành chính.

[2] Về nội dung:

Quyết định số 5714/QĐ-UBND ngày 26/11/2013, Quyết định 6740/QĐ-UBND ngày 04/11/2016 của UBND huyện P về việc bồi thường, hỗ trợ và bổ sung

bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất được ban hành đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 5 Điều 56 Nghị định 84/2007/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2007 của Chính phủ, khoản 3 Điều 69 Luật đất đai 2013. Tuy nhiên, Quyết định số 5714/QĐ-UBND bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho B được ban hành khi chưa có quyết định thu hồi đất là không đúng trình tự thủ tục.

Quyết định số 2997/QĐ-UBND là quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu đối với quyết định thu hồi đất của UBND huyện P, nên Chủ tịch UBND huyện P ra quyết định giải quyết khiếu nại là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 18 Luật khiếu nại.

Về pháp luật áp dụng: Quyết định thu hồi đất đối với ông B được ban hành vào các ngày 20/11/2013 và ngày 12/01/2016 nhưng Chủ tịch UBND huyện P chỉ áp dụng Luật đất đai năm 2003 và các văn bản hướng dẫn để giải quyết khiếu nại của ông B về mặt nội dung là có thiếu sót, không đúng pháp luật. Lẽ ra, việc thu hồi đất vào ngày 20/11/2013 và 12/01/2016 thì Chủ tịch UBND huyện P phải áp dụng Luật đất đai năm 2003, 2013 và các văn bản hướng dẫn để giải quyết về mặt nội dung khiếu nại của ông B. Chủ tịch UBND huyện P áp dụng Luật đất đai năm 2013 để giải quyết về mặt hình thức là đúng pháp luật.

Theo các chứng cứ, tài liệu trong hồ sơ vụ kiện thì diện tích đất 14.482,7m² UBND huyện P thu hồi của ông Lê Văn B có thành quả lao động gồm 2509 cây trồng các loại, như: Dừa, đào, trà bông vàng...

Tại Quyết định giải quyết khiếu nại số 2997/QĐ-UBND Chủ tịch UBND huyện P xác định vào ngày 28/7/2004 đã ban hành Quyết định số 2490/QĐ-CT thu hồi của ông B 13.861,4m² đất bao gồm hai thửa có diện tích 10.975,4m² và 2.886m². Tuy nhiên, UBND huyện P không cung cấp được quyết định này cho Tòa án, phía ông B xác định từ trước đến nay UBND huyện P không triển khai quyết định này cho ông. Xem như đất ông B chưa từng bị thu hồi. Trong trường hợp có quyết định thu hồi đất thì quyết định này cũng không còn hiệu lực, vì đến năm 2013 và năm 2016 UBND huyện P đã ban hành 4 quyết định để thu hồi diện tích đất 14.482,7m², trong đó có 10.975,4m² được UBND huyện P xác định đã thu hồi năm 2004. Quyết định sau phủ định quyết định trước.

Chủ tịch UBND huyện P cho rằng trong tổng số diện tích đất ông B bị thu hồi có 3.507,3m² đất do ông B bị khai phá sau ngày 28/7/2004 nhưng không có căn cứ nào để chứng minh.

Ông B có cung cấp cho Tòa án sơ đồ đo đạc thửa đất 10.975,4m² vào năm 2003 và sơ đồ đo đạc diện tích đất 14.482,7m² bị thu hồi theo các Quyết định số 5604/QĐ-UBND ngày 20/11/2013; Quyết định số 85/QĐ-UBND, Quyết định số

86/QĐ-UBND, Quyết định số 87/QĐ-UBND ngày 12/01/2016 của UBND huyện P thấy rằng: Diện tích tăng lên 14.482,7m² là do có một phần đất của ông Phạm Văn Tám, một phần do chiều dài tăng ra phía biển, nhưng vẫn nằm trong giới hạn khu đất đo vẽ năm 2003, không phải là một khu riêng biệt. Vì vậy, không có cơ sở cho rằng phần diện tích đất tăng là do vợ chồng ông B khai phá sau ngày 01/7/2004.

UBND huyện P chưa ra quyết định thu hồi đất đã ban hành quyết định bồi thường, hỗ trợ và tái định cư là không đúng quy định tại Điều 39 Luật đất đai năm 2003 nên cần phải hủy bỏ Quyết định số 5714/QĐ-UBND ngày 26/11/2013 của UBND huyện P về việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho ông B.

[3] Đất của ông B có thời điểm sử dụng đất trước ngày 18/6/1998 (ngày UBND tỉnh Kiên Giang giao đất cho rừng phòng hộ). Nếu áp dụng Luật đất đai năm 2003 để bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi thu hồi đất thì ông B vẫn đủ điều kiện để được bồi thường theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 45 Nghị định 84/2007/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2007 của Chính phủ, cụ thể: “1. Trường hợp thu hồi đối với đất đã sử dụng trong khoảng thời gian từ ngày 15 tháng 10 năm 1993 đến trước ngày 01 tháng 7 năm 2004 nhưng không có Giấy chứng nhận hoặc một trong các loại giấy tờ về quyền sử dụng đất quy định tại khoản 1 Điều 50 của Luật Đất đai và được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận đất đó không có tranh chấp thì việc bồi thường, hỗ trợ về đất thực hiện theo quy định sau:...c) Trường hợp đất đang sử dụng thuộc nhóm đất nông nghiệp mà người đang sử dụng đất là hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp thì được bồi thường, hỗ trợ đối với diện tích đất thực tế đang sử dụng nhưng diện tích được bồi thường, hỗ trợ không vượt quá hạn mức giao đất nông nghiệp quy định tại Điều 70 của Luật Đất đai và khoản 1 Điều 69 Nghị định số 181/2004/NĐ-CP;...”. Nếu áp dụng Luật đất đai năm 2013 thì ông B cũng đủ điều kiện để được bồi thường, hỗ trợ và tái định cư theo quy định tại khoản 2 Điều 77 Luật đất đai năm 2013 “Đối với đất nông nghiệp sử dụng trước ngày 01/7/2004 mà người sử dụng không có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc không đủ kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì được bồi thường theo diện tích thực tế sử dụng”.

UBND huyện P thu hồi đất của ông B không bồi thường mà chỉ hỗ trợ 60% và 40% giá trị quyền sử dụng đất là trái với quy định của pháp luật đất đai. Nên cần phải hủy bỏ quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND huyện P.

Quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND huyện P bị hủy nên Quyết định 6740/QĐ-UBND ngày 04/11/2016 của UBND huyện P về việc hỗ trợ bổ sung cho ông B ban hành để thực hiện theo nội dung quyết định giải quyết khiếu nại cũng phải hủy bỏ.

[4] Trong tổng diện tích đất UBND huyện P thu hồi của ông B có một phần diện tích đất của ông Phạm Văn Tám (theo sơ đồ đo đạc phần đất của ông B ngày 09/10/2003). Như vậy, các quyết định thu hồi đất của UBND huyện P có sự nhầm lẫn về đối tượng, đất của ông T nhưng ra quyết định thu hồi của ông B làm ảnh hưởng đến quyền lợi của ông T. Về nguyên tắc, cần phải hủy bỏ các quyết định thu hồi đất và kiến nghị UBND huyện P thực hiện việc thu hồi lại cho đúng đối tượng. Tuy nhiên, ngày 12/6/2018 ông B, bà T, ông T có văn bản thỏa thuận với nội dung: *“Không yêu cầu UBND huyện P điều chỉnh lại diện tích đất đã thu hồi của ông B. Hiện nay ông B đã khởi kiện UBND huyện P yêu cầu bồi thường tổng diện tích đất trên, nếu Tòa án giải quyết chấp nhận yêu cầu của ông B, thì khi UBND huyện P bồi thường vợ chồng ông B sẽ giao lại cho ông T giá trị quyền sử dụng đất được bồi thường, hỗ trợ tương đương với diện tích của ông T là 600m². Ông T không tham gia giải quyết vụ án hành chính, tất cả quyền lợi của ông T vợ chồng ông B được quyền định đoạt...”*.

Đây là ý chí tự nguyện của các đương sự không làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích của Nhà nước, không ảnh hưởng đến quyền lợi của người thứ ba. Đất của ông T nếu bị thu hồi vẫn đủ điều kiện để bồi thường. Vì vậy, HĐXX không hủy các quyết định thu hồi đất. UBND huyện P cần rút kinh nghiệm trong những trường hợp tương tự.

Đối với yêu cầu của ông B về việc buộc Ủy ban nhân dân huyện P ban hành quyết định bồi thường, hỗ trợ cho ông là có cơ sở để chấp nhận. Vì đất của ông B đủ điều kiện để được bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất, các quyết định hỗ trợ đã bị hủy, cần kiến nghị UBND huyện ban hành quyết định bồi thường, hỗ trợ cho ông B thay thế cho quyết định bị hủy.

Đất của ông B bị thu hồi năm 2013 và 2016 nhưng đến nay chưa được bồi thường. Căn cứ theo quy định tại khoản 4 Điều 34 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ, trường hợp của ông B chưa có phương án bồi thường, tái định cư thì phải thẩm định, phê duyệt phương án bồi thường, tái định cư theo quy định của Luật đất đai năm 2013. Trường hợp chậm bồi thường còn phải áp dụng Điều 93 Luật đất đai năm 2013 để trả lãi cho ông B.

[5] Theo quy định sau khi hủy quyết định giải quyết khiếu nại, Tòa án phải kiến nghị Chủ tịch UBND huyện P ban hành quyết định giải quyết khiếu nại lại, nhưng ông B không yêu cầu, đồng thời đã có yêu cầu buộc UBND huyện P ban hành quyết định bồi thường nên không cần thiết phải kiến nghị Chủ tịch UBND huyện P ban hành quyết định giải quyết khiếu nại lại.

Từ những nhận định trên, sau khi thảo luận, Hội đồng xét xử nghị nên chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn B và đề nghị của vị Luật sư, đại diện Viện kiểm sát.

[7] Án phí sơ thẩm:

Ông Lê Văn B được chấp nhận yêu cầu khởi kiện nên không phải chịu án phí. Hoàn trả cho ông B tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P phải chịu án phí 300.000 đồng.

Ủy ban nhân dân huyện P phải chịu án phí 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 2 Điều 193 của Luật tổ tụng hành chính;

Căn cứ vào Điều 18 Luật khiếu nại; Điều 75, Điều 77 và Điều 101 Luật đất đai;

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 45 Nghị định 84/2007/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2007 của Chính phủ Quy định bổ sung về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thu hồi đất, thực hiện quyền sử dụng đất, trình tự, thủ tục bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất và giải quyết khiếu nại về đất đai; khoản 4 Điều 34 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.

Căn cứ khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn B.

- Hủy Quyết định số 5714/QĐ-UBND ngày 26/11/2013 và Quyết định 6740/QĐ-UBND ngày 04/11/2016 của Ủy ban nhân dân huyện P về việc bồi thường, hỗ trợ và bổ sung bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất của ông Lê Văn B để thực hiện dự án Khu du lịch sinh thái B tại xã G, huyện P, tỉnh Kiên Giang;

- Hủy Quyết định số 2997/QĐ-UBND ngày 07/4/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P về việc giải quyết khiếu nại của ông Lê Văn B;

- Kiến nghị UBND huyện P ban hành quyết định bồi thường, hỗ trợ cho ông Lê Văn B đối với diện tích đất 14.482,7m² tại ấp G, xã G, huyện P, tỉnh Kiên Giang theo quy định của pháp luật.

2. Án phí hành chính sơ thẩm:

- Ủy ban nhân dân huyện P phải nộp 300.000 đồng.

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P phải nộp 300.000 đồng.
- Hoàn trả cho ông Lê Văn B 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0001006 ngày 29/12/2017 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Kiên Giang.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký và đóng dấu)

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- Cục THADS tỉnh Kiên Giang;
- Các đương sự;
- UBND tỉnh Kiên Giang;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thị Cẩm Thu